

Bản án số: 182/2024/DS-PT

Ngày: 10/10/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương, ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Mai Hân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐ-PT ngày 17/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu V**, sinh năm 1969 (*Có mặt*)

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà **Diệp Thị H**, sinh năm 1967 (*Có mặt*)

Địa chỉ: thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thành P, sinh năm 1997 (*Có mặt*).
Địa chỉ: P, tầng B, Tòa nhà I, số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987 và Luật sư Lê Thanh T, sinh năm 1978 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư T3. (*Có mặt*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1967 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận

Người kháng cáo: Bị đơn Diệp Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà *Trần Thị Thu V* trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021, bà H nhiều lần vay tiền của bà, cụ thể như sau:

+ Ngày 17/11/2020, bà H vay của bà số tiền **400.000.000đ**, lãi suất là 4%/tháng, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Bà H đã thanh toán cho bà tổng số tiền lãi từ tháng 12/2020 đến tháng 10/2021 là 176.000.000đ. Từ tháng 11/2021 đến nay bà H không thanh toán tiền lãi.

+ Ngày 30/11/2020, bà H vay của bà số tiền **300.000.000đ**, lãi suất là 4%/tháng, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Bà H đã thanh toán cho bà tổng số tiền lãi từ tháng 12/2020 đến tháng 10/2021 là 132.000.000đ. Từ tháng 11/2021 đến nay bà H không thanh toán tiền lãi.

+ Ngày 13/5/2021, bà H vay của bà số tiền **300.000.000đ**, lãi suất là 3%/tháng, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Bà H đã thanh toán cho bà tổng số tiền lãi từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2021 là 45.000.000đ. Từ tháng 11/2021 đến nay bà H không thanh toán tiền lãi.

+ Ngày 21/6/2021, bà H vay của bà số tiền **500.000.000đ**, lãi suất là 4,5%/tháng, thời hạn vay là 20 ngày. Bà H đã thanh toán cho bà tiền lãi từ tháng 07/2021 đến tháng 10/2021 là 90.000.000đ. Từ tháng 11/2021 đến nay bà H không thanh toán tiền lãi.

+ Ngày 21/7/2021, bà H vay của bà số tiền **500.000.000đ**, lãi suất là 3%/tháng, không thoả thuận thời hạn trả nợ. Bà H đã thanh toán cho bà tiền lãi từ tháng 08/2021 đến tháng 10/2021 là 45.000.000đ. Từ tháng 11/2021 đến nay bà H không thanh toán tiền lãi.

Tất cả các khoản vay trên, bà H chưa thanh toán nợ gốc.

Ngoài ra, bà H là thành viên của nhiều dây hụi do bà V làm chủ. Dây hụi 50 triệu đồng mở ngày 22/3/2021 gồm 16 phần, bà H tham gia 03 phần, còn nợ lại số tiền hụi là 600 triệu đồng; Dây hụi 20 triệu đồng mở ngày 02/01/2021 gồm 16 phần, bà H tham gia 03 phần, còn nợ lại số tiền hụi là 120 triệu đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà V khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà H và ông T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 3.360.000.000đ (Ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng) bao gồm nợ hụi là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng); 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) tiền gốc của khoản nợ vay và nợ lãi tạm tính của khoản tiền vay là 640.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên toà, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Đối với hợp đồng vay, số tiền lãi thanh toán vượt quá mức quy định thì đề nghị khấu trừ vào nợ gốc, đề nghị Toà án buộc bà H phải thanh toán nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ lãi vượt quá là **1.705.474.756đ** (Một tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng). Đồng thời buộc bà H phải tiếp tục trả lãi kể từ tháng 11/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 20%/năm là **878.171.000đ** (Tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi một nghìn đồng). Bà chỉ yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ông T1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà.

Đối với nợ hụi, bà rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ hụi 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) nói trên, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn bà Diệp Thị H vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày: Sau khi được tiếp cận chứng cứ là các giấy nợ do bà V nộp cho Toà án, bà xác định bà có vay của bà V năm lần với tổng số tiền gốc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Bà có trả lãi cho bà V với mức lãi suất rất cao. Đến tháng 10/2021 thì bà ngưng trả lãi các khoản nợ do bà V yêu cầu tăng lãi suất lên mức 5%/tháng. Hiện bà không xác định được đã thanh toán được cho bà V bao nhiêu tiền lãi. Đối với số nợ gốc thì bà xác định mình đã trả cho nguyên đơn bằng tiền mặt, chỉ còn nợ lại một ít. Khi chồng bà V chết, bà V đang có tang nhưng đến kho thanh long của bà dẫn đến toàn bộ thanh long bị hư hỏng, bà V còn đánh bà. Do đó, bà đã thông báo với bà V rằng bà không còn nợ nần gì đối với bà V. Bà V khởi kiện yêu cầu bà trả số nợ vay và tiền lãi thì bà không đồng ý, vì bà có vay nhưng hiện không còn nợ nần gì đối với bà V. Việc vay mượn phục vụ công việc làm ăn riêng của bà, không liên quan đến ông T1 nên bà V khởi kiện buộc ông T1 liên đới trả nợ là không đúng.

Đối với nợ hụi, bà có tham gia hai dây hụi do bà V làm chủ. Một dây hụi 50 triệu, bà tham gia 04 phần, đã hót hai phần nhưng đóng đủ tiền đến mãn hụi. Còn hai phần bà vẫn chưa hót. Một dây hụi 20 triệu bà tham gia chơi 03 phần, bà đã đóng hụi cho đến khi mãn hụi. Hiện bà không còn nợ tiền hụi của bà V. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc bà trả số nợ hụi là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Đối với hai phần hụi bà chưa hót bà không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T1 từ chối làm việc với Toà án, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến gửi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 218, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Trần Thị Thu V đối với bà Diệp Thị H.

Buộc bà Diệp Thị H phải trả cho bà Trần Thị Thu V số tiền **2.583.645.000đ** (Hai tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) bao gồm **1.705.474.000đ** (Một tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) nợ gốc và **878.171.000đ** (Tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hui” của bà Trần Thị Thu V khởi kiện buộc bà Diệp Thị H trả số tiền nợ hui 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng)

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Bà Diệp Thị H phải chịu 83.672.900 đồng (Tám mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý tạm ứng án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/7/2024, bị đơn Diệp Thị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn thay đổi kháng cáo, yêu cầu Tòa án xem xét hủy án sơ thẩm. Luật sư bảo vệ bị đơn đề nghị Tòa án xem xét hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm xử đã đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của bị đơn Diệp Thị H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn Diệp Thị H kháng cáo cho rằng số nợ hiện nay của bà với nguyên đơn là rất ít. Nên không đồng ý với số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà trả nợ. Tại đơn kháng cáo bà trình bày sẽ tính toán và cung cấp số liệu chính xác cũng như các chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn thay đổi kháng cáo, đề nghị hủy án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về việc thay đổi kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Theo Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc thay đổi kháng cáo không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Tuy nhiên thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm theo Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vẫn có thể xem xét hủy bản án sơ thẩm nếu có căn cứ. Nên kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm và ý kiến yêu cầu hủy án tại phiên tòa phúc thẩm vẫn được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà Diệp Thị H thừa nhận có vay của bà V năm lần với tổng số tiền gốc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), theo các tài liệu mà bà V đã cung cấp. Bà có trả lãi cho bà V với mức lãi suất cao. Đến tháng 10/2021 thì bà ngưng trả lãi các khoản nợ do bà V yêu cầu tăng lãi suất lên mức 5%/tháng. Hiện bà không xác định được đã thanh toán được cho bà V bao nhiêu tiền lãi. Đối với số nợ gốc thì bà xác định mình đã trả cho nguyên đơn bằng tiền mặt, chỉ còn nợ lại một ít. Khi chồng bà V chết, bà V đang có tang nhưng đến kho thanh long của bà dẫn đến toàn bộ thanh long bị hư hỏng, bà V còn đánh bà. Do đó, bà đã thông báo với bà V rằng bà không còn nợ nần gì đối với bà V.

[3] Bị đơn Diệp Thị H có thừa nhận khoản nợ, khai dừng trả lãi từ tháng 10/2021. Số tiền lãi cụ thể đã trả thì bà H không nhớ. Bà H khai đã trả số tiền gốc, chỉ còn nợ lại một ít nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền đã trả.

Về thời điểm vay và thời điểm dừng trả lãi, các đương sự đã thống nhất. Số tiền lãi đã trả bị đơn không nhớ nhưng nguyên đơn có kê ra các mức lãi tùy khoản vay, dao động từ 3 – 4,5%/ 1 tháng. Điều này phù hợp với lời khai của bị

đơn là do nguyên đơn yêu cầu tăng mức lãi lên 5% nên bị đơn không đóng lãi nữa. Trong sổ của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án cũng có ghi mức lãi và số tiền của một số kỳ đóng lãi, thể hiện mức lãi như nguyên đơn trình bày.

[3] Nguyên đơn đã liệt kê ra số tiền lãi trả liên tục từ ngày vay đến ngày dừng trả lãi của các khoản nợ, đồng ý trừ số tiền lãi trả dư so với mức lãi suất tối đa 20%/1 năm vào tiền gốc. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán cụ thể lãi đã trả, khấu trừ vào tiền gốc, và tiền lãi tiếp tục phải trả, cụ thể:

Đối với khoản vay 400 triệu đồng ngày 17/11/2020, nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ là **288.335.402đ**, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 18/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) với mức lãi suất 20%/năm đối với số nợ gốc nêu trên và làm tròn số đến hàng nghìn. Như vậy số tiền lãi chưa thanh toán là: $288.335.402đ \times 20\% / \text{năm} \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng} = \mathbf{148.973.000đ}$ (Đã làm tròn theo yêu cầu của nguyên đơn)

Đối với khoản vay 300 triệu đồng ngày 30/11/2020, nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ là **216.251.551đ**, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) với mức lãi suất 20%/năm đối với số nợ gốc nêu trên và làm tròn số đến hàng nghìn. Như vậy số tiền lãi chưa thanh toán là: $216.251.551đ \times 20\% / \text{năm} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = \mathbf{110.168.000đ}$ (Đã làm tròn theo yêu cầu của nguyên đơn)

Đối với khoản vay 300 triệu đồng ngày 13/5/2021, nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ là **279.322.129đ**, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 14/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) với mức lãi suất 20%/năm đối với số nợ gốc nêu trên và làm tròn số đến hàng nghìn. Như vậy số tiền lãi chưa thanh toán là: $279.322.129đ \times 20\% / \text{năm} \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 4 \text{ ngày} = \mathbf{144.937.000đ}$ (Đã làm tròn theo yêu cầu của nguyên đơn)

Đối với khoản vay 500 triệu đồng ngày 21/6/2021, nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ là **441.900.860đ**, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) với mức lãi suất 20%/năm đối với số nợ gốc nêu trên và làm tròn số đến hàng nghìn. Như vậy số tiền lãi chưa thanh toán là: $441.900.860đ \times 20\% / \text{năm} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = \mathbf{227.333.000đ}$ (Đã làm tròn theo yêu cầu của nguyên đơn)

Đối với khoản vay 500 triệu đồng ngày 21/7/2021, nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ là **479.664.814đ**, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) với mức lãi suất 20%/năm đối với số nợ gốc nêu trên và làm tròn số đến hàng nghìn. Như vậy số tiền lãi chưa thanh toán là: $479.664.814đ \times 20\% / \text{năm} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = \mathbf{246.760.000đ}$ (Đã làm tròn theo yêu cầu của nguyên đơn)

Tổng số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) là **878.171.000đ** (T2 trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

[4] Tại phiên tòa, Luật sư của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, không cho đối chất với giữa bà V và bà H, chưa làm rõ khoản nợ liên quan đến ông H1 (Nguyễn Hữu H1), là người có tên trong ghi chú trên giấy nợ. Đồng thời cấp sơ thẩm tính lãi khoản vay 500 triệu ngày 21/6/2021 với mức 20% là không đúng, vì thời hạn vay ghi có 20 ngày, nên sau đó phải xem là không có thỏa thuận lãi, phải tính lãi là 10%.

Xét ý kiến của Luật sư, HĐXX nhận thấy: Quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đều xác định các ghi chú ở góc của giấy vay nợ là do nguyên đơn ghi để nhớ nguồn tiền nguyên đơn lấy từ ai để cho bị đơn vay, không liên quan đến việc vay giữa nguyên đơn và bị đơn. Quá trình giải quyết, bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc có người liên quan khác. Nên xác định không có người liên quan trong giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn, không có việc đưa thiếu người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập và mở 04 phiên hòa giải, nhưng bị đơn đều vắng mặt, khi xét xử cũng xin vắng mặt. Nên ý kiến của Luật sư về việc không cho đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn, vi phạm tố tụng là không có căn cứ để chấp nhận. Về mức lãi vay thì mặt dù giấy vay ghi 20 ngày, nhưng sau đó hai bên vẫn trả lãi đến tháng 10/2021, thể hiện các bên đã tự gia hạn thời hạn vay, nên cấp sơ thẩm tính lãi 20% là có căn cứ.

Luật sư cũng trình ra chứng từ bị đơn chuyển khoản cho người tên là Nguyễn Hữu H1 số tiền 800.000.000đ vào ngày 14/01/2022 và cho là đã cân trừ nợ đối với nguyên đơn. Xét thấy chứng cứ này không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ nguyên đơn khai đã trả hết nợ cho bị đơn từ tháng 10/2021 nên không trả lãi nữa. Mặc khác theo các giấy tờ có liên quan trong 5 khoản nợ vay mà nguyên đơn khởi kiện thì chỉ có một khoản 300 triệu ngày 30/11/2020 là có ghi chú “Hưng chuyển”, nhưng khoản mà luật sư cho rằng cân trừ nợ thì lại là 800 triệu. Nguyên đơn cũng không thừa nhận chứng cứ Luật sư đưa ra, cho rằng không liên quan gì đến các khoản nợ mà nguyên đơn đang khởi kiện.

Bản thân bị đơn cũng có những lời khai mâu thuẫn nhau, khi thì khai do nguyên đơn lấy lãi cao lên 5% nên ngừng trả lãi, khi thì khai đã trả hết nợ bằng tiền mặt vào tháng 10/2021 nên không trả lãi nữa, khi thì khai còn nợ nhưng ít. Bị đơn cũng chưa khi nào khai trả nợ bằng việc chuyển khoản.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Diệp Thị H phải trả cho bà Trần Thị Thu V số tiền **2.583.645.000đ** (Hai tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) bao gồm **1.705.474.000đ** (Một tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) nợ gốc và **878.171.000đ** (T2 trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền lãi chưa thanh toán

tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024) là có căn cứ, đúng pháp luật; Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận. Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Diệp Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Diệp Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 218, Điều 273, Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Trần Thị Thu V đối với bà Diệp Thị H.

Buộc bà Diệp Thị H phải trả cho bà Trần Thị Thu V số tiền **2.583.645.000đ** (Hai tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) bao gồm **1.705.474.000đ** (Một tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) nợ gốc và **878.171.000đ** (Tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) tiền lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/6/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Diệp Thị H phải chịu 83.672.900 đồng (Tám mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Diệp Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010856, ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, bà H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/10/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thái Bình